TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2394/2023/KDTM-ST
Ngày: 14/7/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi;

2. Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2022/TLST-KDTM ngày 02/6/2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2424/2023/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 3321/2023/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A

Trụ sở: Số 18 đường L, phường T, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990; Địa chỉ thường trú: Xã T, huyện Phú Lý, tỉnh Hà Nam.

(là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền số: 383/UQ-MBAMC ngày 15/4/2022 của Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng A), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty B

Trụ sở: 45 Đường H, khu phố 4, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Thị Lan P, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Căn hộ chung cư số 4.11 Lô F, Cư xá B, Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Ngân hàng A đã ký Hợp đồng cấp tín dụng số: 65391.20.108.4599825.TD ngày 24/11/2020 cùng Văn bản sửa đổi hợp đồng cấp tín dụng số 65391.20.108.4599825.TD.PL01 ngày 30/11/2020; Văn bản sửa đổi hợp đồng cấp tín dụng số 65391.20.108.4599825.TD.PL02 ngày 7/12/2020 với Bên vay là Công ty B (Công ty B). Tổng số tiền cho vay và đã giải ngân là 6.225.463.037 đồng, mục đích vay vốn là bổ sung vốn trong hoạt động kinh doanh, lãi suất theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ cụ thể của từng lần giải ngân. Sau khi giải ngân và đến các kỳ hạn trả nợ gốc và lãi, Bên vay Công ty B đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A, vi phạm nghiêm trọng các cam kết tại hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký. Tạm tính đến ngày 15/04/2022 dư nợ các khoản vay của Công ty B vay tại Ngân hàng A là: Nợ gốc là 6.225.463.037 đồng và nợ lãi là 710.825.659 đồng, tổng số tiền còn nợ là 6.936.288.696 đồng. Kể từ thời điểm Công ty B không thực hiện trả nợ gốc và lãi theo hạn, Ngân hàng A đã nhiều lần thông báo, đôn đốc, yêu cầu Công ty B trả nợ, nhưng bên vay thường xuyên trì hoãn, kéo dài thời gian trả nợ. Đến nay, bên vay vẫn không thu xếp tài chính để trả nợ, không chủ động làm việc với Ngân hàng để xử lý khoản nợ. Như vậy, bên vay đã vi phạm các nghĩa vụ cam kết, thỏa thuận với Ngân hàng A theo các Hợp đồng tín dụng và các văn bản, giấy tờ khác có liên quan đã ký với Ngân hàng A. Để bảo vệ quyền và lợi ích của Ngân hàng A đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc Công ty B phải thanh toán nợ cho Ngân hàng A tổng số tiền là 6.936.288.696 đồng (bao gồm: Nợ gốc là 6.225.463.037 đồng và nợ lãi là 710.825.659 đồng), số dư nợ tạm tính đến ngày 15/04/2022;

- Buộc Công ty B tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng số 65391.20.108.4599825.TD ngày 24/11/2020; Văn bản sửa đổi hợp đồng cấp tín dụng số 65391.20.108.4599825.TD.PL01 ngày 30/11/2020; Văn bản sửa đổi hợp đồng cấp tín dụng số 65391.20.108.4599825.TD.PL02 ngày 7/12/2020 và các khế ước nhận nợ kèm theo kể từ ngày 16/04/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng A.

Ngày 12/7/2022, Ngân hàng A bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án xử lý Tài sản thế chấp là quyền sở căn hộ 4.11 Lô F Cư xá Bàu Cát 2, phường 10, quận Tân Binh,Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc quyền sở hữu của bà Đinh Thị Lan P. Theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 11134.20.108.4599825.BĐ ngày 24/03/2020 ký kết giữa ba bên. Toàn bộ số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản của Công ty B được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng A. Trường hợp số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản không đủ để thanh toán nợ cho Ngân hàng A thì Công ty B vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp số tiền còn thiếu.

Ngày 04/11/2022, bà Đinh Thị Lan P đã thanh toán cho Ngân hàng A số tiền 1.650.000.000 đồng để giải chấp tài sản thế chấp nói trên là quyền sở hữu căn hộ 4.11 Lô F, Cư xá Bàu Cát 2, phường 10, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, nguyên đơn nguyên đơn đã có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản thế chấp này.

Đến nay nguyên đơn chỉ yêu cầu toà án giải quyết các yêu cầu khởi kiện sau đây:

- Buộc Công ty B phải thanh toán ngay cho Ngân hàng A toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi phát sinh tạm tính đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ kiện 14/7/2023 với tổng số tiền là 6.339.964.052 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 4.575.463.037 đồng và nợ lãi là 1.764.501.015 đồng.

- Buộc Công ty B tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn được quy định trong các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký giữa hai bên từ ngày 15/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ.

(2) Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Lan P vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai: Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Lan P vẫn tiếp tục vắng mặt mà không có lý do. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Lan P đã vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc sự kiện khách quan, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đối với người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt đề nghị Tòa án chấp nhận. Về nội dung vụ án: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa Ngân hàng A với Công ty B phát sinh quan hệ tranh chấp từ hợp đồng vay tín dụng, mục đích vay là để cho bị đơn bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có mã số doanh nghiệp: 0312647642 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lần đầu ngày 12/02/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22/3/2021, xác định Công ty B có trụ sở đăng ký hoạt động tại địa chỉ: 45 đường số 11, khu phố 4, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, Thành phố

Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty B, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị Lan P vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] Nhận thấy, nguyên đơn Ngân hàng A rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý Tài sản thế chấp là quyền sở căn hộ 4.11 Lô F Cư xá Bàu Cát 2, phường 10, quận Tân Binh,Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc quyền sở hữu của bà Đinh Thị Lan P, theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 11134.20.108.4599825.BĐ ngày 24/03/2020 ký kết giữa ba bên. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, thuộc trường hợp đình chỉ giải quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Xét thấy, Hợp đồng cấp tín dụng số: 65391.20.108.4599825.TD ngày 24/11/2020 cùng Văn bản sửa đổi hợp đồng cấp tín dụng số 65391.20.108.4599825.TD.PL01 ngày 30/11/2020; Văn bản sửa đổi hợp đồng cấp tín dụng số 65391.20.108.4599825.TD.PL02 ngày 7/12/2020 giữa Công ty B với Ngân hàng A là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng được lập bằng văn bản có chữ ký của đại diện hợp pháp và đóng dấu của các bên, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc trách nhiệm buộc các bên phải thực hiện.

[4.2] Căn cứ các chứng từ đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LD2110622936 ngày 16/4/2021 Ngân hàng A đã giải ngân cho, Công ty B vay số tiền là 100.000.000 đồng; ngày 22/4/2021 tiếp tục giải ngân số tiền 470.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2111249779; ngày 11/5/2021 giải ngân số tiền 300.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2113106529; ngày 14/5/2021 giải ngân số tiền 550.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2113234510; ngày 17/5/2021 giải ngân số tiền 210.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2113799159; ngày 18/5/2021 giải ngân số tiền 385.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2113820010; ngày 19/5/2021 giải ngân số tiền 400.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2113939010; ngày 21/5/2021 giải ngân số tiền 250.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2114142778; ngày 24/5/2021 giải ngân số tiền 500.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2114475106; ngày 25/5/2021 giải ngân số tiền 300.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2114550851; ngày 27/5/2021 giải ngân số tiền 200.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2114706467; ngày 11/6/2021 giải ngân số tiền 200.000.000 đồng theo

khế ước nhận nợ số LD2116232923; ngày 14/6/2021 giải ngân số tiền 300.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2116508318; ngày 15/6/2021 giải ngân số tiền 300.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2116660200; ngày 17/6/2021 giải ngân số tiền 200.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2116800790; ngày 18/6/2021 giải ngân số tiền 200.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2116902188; ngày 21/6/2021 giải ngân số tiền 150.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2117266558; ngày 23/6/2021 giải ngân số tiền 200.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2117416015; ngày 24/6/2021 giải ngân số tiền 200.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2117580637; ngày 25/6/2021 giải ngân số tiền 200.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2117683227; ngày 28/6/2021 giải ngân số tiền 200.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2117905582; ngày 02/7/2021 giải ngân số tiền 250.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2118961650; ngày 13/7/2021 giải ngân số tiền 250.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2119472328; ngày 15/7/2021 Ngân hàng A tiếp tục giải ngân lần sau cùng cho Công ty B với số tiền 450.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ số LD2119605013. Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, áp dụng những quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định, tính đến ngày hôm nay (ngày 14/7/2023) Công ty B còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là 6.339.964.052 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 4.575.463.037 đồng và tiền nợ lãi là 1.764.501.015 đồng. Xét thấy, Công ty B liên tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tiền, cho nên bên cho vay là Ngân hàng A đã chấm dứt hợp đồng tín dụng, buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận là phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức Tín Dụng năm 2010. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi nói trên là có cơ sở chấp nhận.

[4.3] Nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 15/7/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức Tín Dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho nguyên đơn.

[6] Chi phí tố tụng khác: Căn cứ theo quy định tại Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân năm 2015, buộc nguyên đơn Ngân hàng A phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định. Số tiền tạm ứng chi phí tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ 5.000.000 đồng, đã thu của nguyên đơn theo phiếu thu lập ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, đã được sử dụng đủ vào chi phí tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, nhằm mục đích là để giải quyết yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, đảm bảo theo yêu cầu của nguyên đơn. Nguyên đơn Ngân hàng A đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) ;

Căn cứ Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Công ty B có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền còn nợ là 6.339.964.052 đồng (trong đó số tiền nợ gốc là 4.575.463.037 đồng và tiền nợ lãi là 1.764.501.015 đồng).

- Kể từ ngày 15/7/2023, Công ty B còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn phát sinh tương ứng với số dư nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số: 65391.20.108.4599825.TD ngày 24/11/2020 cùng Văn bản sửa đổi hợp đồng cấp tín dụng số 65391.20.108.4599825.TD.PL01 ngày 30/11/2020; Văn bản sửa đổi hợp đồng cấp tín dụng số 65391.20.108.4599825.TD.PL02 ngày 7/12/2020 và các khế ước nhận nợ đã ký kết giữa các bên, cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng A.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý Tài sản thế chấp là quyền sở căn hộ 4.11 Lô F Cư xá Bàu Cát 2, phường 10, quận Tân Binh,Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc quyền sở hữu của bà Đinh Thị Lan P, theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 11134.20.108.4599825.BĐ ngày 24/03/2020 ký kết giữa các bên.

3. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 114.339.964 đồng, buộc Công ty B phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 57.468.144 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0027378 ngày 31/5/2022 của Chi cục thi hành an dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 5.000.000 đồng, buộc Ngân hàng A phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đã nộp theo biên lai thu tiền lập ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngân hàng A đã nộp đủ chi phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND. TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Cao Văn Thiên